

Số: 2570/KL-TTr

Quảng Trị, ngày 17 tháng 9 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về
tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu đối với
Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số 314/QĐ-TTr ngày 26/6/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Trị về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu đối với Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị; Đoàn Thanh tra tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Công ty) từ ngày 08/7/2026 đến 18/8/2026.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTT ngày 21/8/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra; Báo cáo kết quả thẩm định Dự thảo kết luận thanh tra số 215/BC-NV2 ngày 14/9/2026 của phòng Giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra. Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, có trụ sở chính tại số 118 Đường Hữu Nghị, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

Công ty được đổi tên từ Công ty Xăng dầu Quảng Bình theo Quyết định số 814/PLX-QĐ-HĐQT ngày 21/8/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Tổ chức và hoạt động của Công ty được thực hiện theo Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 1035/PLX-QĐ-HĐQT ngày 25/9/2025 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100105749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 19/7/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 18 do Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp ngày 16/10/2025; Giấy ủy quyền của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại Văn bản số 1271/PLX-CSKD ngày 30/5/2025; Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu số 60/GPXD-BCT ngày 29/12/2021 của Bộ Công Thương.

Ngoài trụ sở chính, hiện nay Công ty còn có Chi nhánh Petrolimex Đông Hà (sau đây gọi tắt là Chi nhánh), địa chỉ tại số 02 Lê Lợi, Phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3100105749-042, được đăng ký lần đầu ngày 26/9/2025; Quyết định số 1483/PLXQT-QĐ ngày 17/11/2025 của Công ty Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp quản lý của Chi nhánh.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty gồm Chủ tịch Công ty; Ban Giám đốc; Ban Kiểm soát; các phòng nghiệp vụ và 01 Chi nhánh. Ban Giám đốc gồm Giám đốc và 05 Phó Giám đốc; Công ty có 05 phòng nghiệp vụ và 58 đơn vị cơ sở, gồm

01 Trung tâm Kinh doanh Gas Petrolimex, 01 Kho cảng xăng dầu Sông Gianh, 05 cửa hàng chuyên doanh Gas và 51 cửa hàng xăng dầu. Bên cạnh đó, Chi nhánh Petrolimex Đông Hà do Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh quản lý, gồm 05 phòng nghiệp vụ và 52 đơn vị cơ sở, trong đó có 42 cửa hàng xăng dầu, 09 cửa hàng chuyên doanh Gas và 01 Kho Gas - DMN.

Công ty ký hợp đồng với 12 thương nhân nhượng quyền bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh. Nguồn cung xăng dầu được tiếp nhận từ các công ty đầu mối gồm Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng và Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An.

Về việc vận chuyển xăng dầu: Công ty ký hợp đồng vận chuyển xăng dầu đường bộ với 02 đơn vị vận tải (*Công ty cổ phần thương mại và vận tải Petrolimex Đà Nẵng và Công ty cổ phần thương mại và vận tải Petrolimex Thừa Thiên Huế*) và hợp đồng vận chuyển xăng dầu đường thủy với Công ty cổ phần thương mại vận tải Long Phú 68.

Từ năm 2024 đến nay, các sản phẩm xăng dầu Công ty kinh doanh gồm: Xăng E5 RON 92-II; Xăng E10 RON 95-III; Xăng E10 RON 95-V; RON 95-III; RON 95-V; dầu Diesel (DO) 0,05S-II; dầu Diesel (DO) 0,001S-V.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Về hồ sơ pháp lý đảm bảo điều kiện trong kinh doanh xăng dầu

Công ty, Chi nhánh cũng như các cửa hàng bán lẻ xăng dầu đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Công ty duy trì và lưu trữ đầy đủ các hồ sơ pháp lý gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh; giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu; giấy huấn luyện nghiệp vụ Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH), bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu; các hợp đồng xăng dầu cơ bản đảm bảo quy định¹.

- Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc Văn phòng Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị và Chi nhánh Petrolimex Đông Hà đã đáp ứng đủ điều kiện theo quy định².

- Các cán bộ, công nhân viên và người lao động của Công ty đã được huấn luyện đầy đủ về nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH), đồng thời được đào tạo về nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong hoạt động

¹ Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, địa điểm kinh doanh; Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 296/2026/NĐ-CP ngày 23/7/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP; Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP; Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ 2024; Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành các điều luật về phòng cháy và cứu nạn cứu hộ.

² Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP; Thực hiện niêm yết thông tin công khai về chủng loại, tiêu chuẩn áp dụng trên các cột đo; Việc niêm yết giá bán và thời gian bán xăng dầu được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định 83/2014/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 21 Điều 1 Nghị định 95/2021/NĐ-CP*); hóa đơn điện tử áp dụng hình thức trực tiếp từ cột bơm theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (*được thay thế bởi Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, có hiệu lực kể từ 01/7/2026*).

kinh doanh xăng dầu theo đúng quy định hiện hành.

2. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường trong kinh doanh xăng dầu

- Về sử dụng và kiểm định phương tiện đo: Công ty hiện đang sử dụng 667 phương tiện đo thuộc danh mục kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định³, kết quả kiểm tra hồ sơ, thấy:

+ Tất cả các phương tiện đo trên đều được kiểm định, hiệu chuẩn và được cấp giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn đang trong thời gian có hiệu lực theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu.

+ Trong thời kỳ thanh tra tất cả các cột đo xăng dầu đang sử dụng đã được phê duyệt mẫu và phù hợp với phê duyệt mẫu theo quy định và trong thời gian có hiệu lực theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Luật đo lường năm 2011.

+ Công ty đã trang bị đầy đủ các ca đong, bình đong phù hợp tại các cửa hàng bán lẻ để tự kiểm tra định kỳ về sai số cho phép của phương tiện đo theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN. Hồ sơ việc kiểm tra định kỳ được lưu giữ tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc Công ty.

3. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chất lượng trong kinh doanh xăng dầu

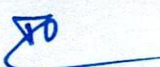
- Việc áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở: Trong thời kỳ thanh tra Công ty đã thực hiện áp dụng bộ tiêu chuẩn do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam ban hành tại Quyết định số 28/PLX-QĐ-TGĐ ngày 31/12/2023 và Quyết định số 1531/PLX-QĐ-TGĐ ngày 19/12/2025. Đến tháng 5/2026 áp dụng bộ tiêu chuẩn tại Quyết định số 344/PLX-QĐ-TGĐ ngày 06/5/2026.

- Việc xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008: Từ đầu năm 2024 đến thời điểm thanh tra, hai pháp nhân tiền thân của đơn vị đã xây dựng và đang vận hành hai hệ thống quản lý chất lượng (QLCL) riêng biệt cụ thể như sau:

+ Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc thẩm quyền quản lý của Văn phòng Công ty áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1190/PLXQB-QĐ ngày 16/11/2022 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Xăng dầu Quảng Bình về việc ban hành Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

+ Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc thẩm quyền quản lý của Chi nhánh Petrolimex Đông Hà áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 đã được phê duyệt trên cơ sở Quyết định số 85/PLXQT-QĐ ngày 25/4/2012 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Xăng dầu Quảng Trị về việc ban hành và áp dụng hệ thống tài liệu nội bộ trong Hệ thống

³Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.




quản lý chất lượng đối với hoạt động quản lý, kinh doanh của Văn phòng Công ty. Năm 2017, Chi nhánh đã rà soát, sửa đổi, bổ sung một số quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng, gồm: Quy trình quản lý, sửa chữa máy móc thiết bị kỹ thuật (QT-QLKT-01); Quy trình quản lý phương tiện đo (QT-QLKT-02); Quy trình quản lý, sửa chữa xe ô tô (QT-QLKT-03); Quy trình quản lý mẫu xăng dầu (QT-QLKT-04); Quy trình giám sát đo lường chất lượng (QT-QLKT-05); Quy trình kiểm soát bể chứa xăng dầu (QT-QLKT-06); Quy trình đánh giá nội bộ (QT-LĐ-01) và Quy trình họp xem xét của lãnh đạo (QT-LĐ-02).

4. Kết quả kiểm tra thực tế tại 21 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc Công ty

4.1. Việc chấp hành quy định pháp luật về đo lường

Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra thực tế 124 cột đo xăng dầu tại 21/93 cửa hàng bán lẻ xăng dầu (gồm 12 Cửa hàng do Văn phòng Công ty quản lý: 01, 03, 10, 12, 17, 20, 24, 39, 41, 45, 50, 54 và 09 Cửa hàng do Chi nhánh Petrolimex Đông Hà quản lý: 02, 03, 04, 18, 20, 21, 22, 38, 40). Kết quả như sau:

- + Tất cả các cột đo đều có tem kiểm định, dấu kiểm định còn nguyên; Số tem niêm phong, kẹp chì phù hợp với Biên bản hiện trạng kiểm định của các cột đo các bộ phận, chi tiết, chức năng có thể tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường (*bầu lường, bộ tạo xung, IC...*) của cột đo xăng dầu được niêm phong hoặc kẹp chì của tổ chức kiểm định và không có can thiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN.

- + Đặc trưng kỹ thuật chính của các cột đo phù hợp với quyết định phê duyệt mẫu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN

- + Trong thời kỳ thanh tra, tại Công ty không thực hiện sửa chữa, thay thế phương tiện đo.

- + Tất cả các cửa hàng đã xây dựng kế hoạch và thực hiện tự kiểm tra phương tiện đo định kỳ 01 lần/tháng và cập nhật thông tin vào Sổ tự theo dõi hoạt động và tình trạng cột đo xăng dầu, điều kiện thực hiện phép đo để bảo đảm lượng xăng dầu trong mua bán, thanh toán và lưu giữ hồ sơ thực hiện việc định kỳ tự kiểm tra theo quy định.

- + Các cửa hàng xăng dầu có trang bị đầy đủ các ca đồng, bình đồng (1L, 2L, 5L, 10L) và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định ban đầu theo quy định, Qua kiểm tra, việc sử dụng các bình đồng, ca đồng không bị móp méo, hư hỏng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN.

- + 21/21 cửa hàng xăng dầu được trang bị thiết bị in chứng từ cho khách hàng qua hệ thống tự động phần mềm Egas trên máy tính.

- + Kiểm tra sai số về đo lường đối với 124 cột đo xăng dầu của 21 cửa hàng; kết quả, 124/124 cột đo xăng dầu có sai số phép đo lượng xăng dầu nằm trong phạm vi cho phép theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN.

(Có phụ lục 1 kèm theo)

4.2. Việc chấp hành quy định pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng xăng dầu

- + Các cửa hàng xăng dầu có lưu giữ đầy đủ bản sao các tiêu chuẩn do Công ty công bố theo Quyết định số 344/PLX-QĐ-TGD ngày 06/5/2026, gồm: TCCS 03:2026/PLX - Nhiên liệu Đeizen (DO) - Yêu cầu kỹ thuật; TCCS 06:2026/PLX - Xăng không chì pha 5% Etanol - Yêu cầu kỹ thuật; TCCS 07:2026/PLX - Xăng không chì pha 10% Etanol - Yêu cầu kỹ thuật; đã thực hiện niêm yết công khai

trên các cột đo xăng dầu đúng quy định về chủng loại xăng dầu kinh doanh theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và tiêu chuẩn công bố áp dụng do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam ban hành.

+ Các cửa hàng thực hiện theo Quy trình kiểm soát hệ thống bể chứa xăng dầu theo quy trình quản lý đã ban hành; thực hiện kiểm soát bể chứa xăng dầu định kỳ hàng tháng và lưu giữ hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN.

+ Về ghi chủng loại nhiên liệu, tiêu chuẩn công bố áp dụng trên cột đo: Kiểm tra 124 cột đo/21 cửa hàng, đã thông báo công khai ở vị trí dễ nhận biết cho người tiêu dùng các thông tin về chủng loại, giá cả và tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN.

+ Lấy mẫu, niêm phong và lưu mẫu: Các Cửa hàng xăng dầu có lưu giữ biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu, bàn giao mẫu và cam kết chất lượng xăng dầu của từng lô hàng khi nhập hàng; thực hiện lấy mẫu, lưu giữ mẫu xăng dầu theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN.

+ Việc thực hiện lưu giữ hồ sơ chất lượng theo quy định đối với từng loại xăng dầu khi nhập vào theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN: Qua kiểm tra, tại 21 Cửa hàng xăng dầu đều lưu giữ đầy đủ hồ sơ như biên bản lấy mẫu, niêm phong, bàn giao mẫu và cam kết chất lượng của thương nhân phân phối; biên bản lấy mẫu, bàn giao mẫu và kiểm tra niêm phong; hồ sơ kiểm soát hệ thống bể chứa xăng dầu; hồ sơ công bố tiêu chuẩn cơ sở.

- Đánh giá chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường có chất lượng phù hợp với chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu: Đoàn Thanh tra đã tiến hành lấy 06 mẫu xăng dầu để thử nghiệm chất lượng tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 gồm:

+ Tại Petrolimex - Cửa hàng 17 thuộc quản lý của Văn phòng Công ty lấy: 01 mẫu Xăng E10 RON 95-III; 01 mẫu dầu DO 0,001S-V và 01 mẫu dầu DO 0,05S-II;

+ Tại Cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc Chi nhánh Petrolimex Đông Hà lấy: 01 mẫu Xăng E10 RON 95-V và 01 mẫu dầu DO 0,001S-V tại Petrolimex - Cửa hàng 22; 01 mẫu dầu DO 0,05S-II tại Petrolimex - Cửa hàng 21.

Kết quả, 06/06 mẫu xăng dầu được thử nghiệm chất lượng phù hợp theo quy định. (Có phụ lục số 02 kèm theo).

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

- Công ty, Chi nhánh và các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Công ty đã được cấp và lưu giữ đầy đủ các hồ sơ pháp lý, giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh, PCCC&CNCH, bảo vệ môi trường và hợp đồng theo quy định. Các cửa hàng bán lẻ đáp ứng đủ điều kiện hoạt động; thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai giá, chủng loại, thời gian bán hàng và áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo

trực tiếp từ cột bơm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Công ty thực hiện việc kiểm định phương tiện đo (*cột đo xăng dầu*) và lưu giữ đầy đủ hồ sơ kiểm định; các cột đo xăng dầu đưa vào sử dụng đã được phê duyệt mẫu và lưu giữ quyết định phê duyệt mẫu, các bộ phận và chi tiết cột đo xăng dầu phù hợp với phê duyệt mẫu; việc kiểm tra định kỳ cột đo xăng dầu và lưu giữ hồ sơ tự kiểm tra định kỳ đã được thực hiện theo quy định;

- Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; có quy trình kiểm soát sự phù hợp của hệ thống bể chứa xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu để duy trì chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng;

- Tại 21 cửa hàng bán lẻ xăng dầu kiểm tra thực tế: chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng của Công ty; thực hiện quy định về lấy mẫu, niêm phong mẫu, bàn giao mẫu và lưu giữ mẫu xăng dầu; lưu đầy đủ hồ sơ chất lượng đối với từng lô hàng và hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng; niêm yết, công khai các thông tin về chủng loại, giá cả, tiêu chuẩn công bố áp dụng của từng loại xăng dầu đang kinh doanh trên cột đo xăng dầu theo quy định; thực hiện kiểm soát hệ thống bể chứa xăng dầu nhằm bảo đảm cung cấp cho người tiêu dùng chất lượng xăng dầu phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, công bố tiêu chuẩn áp dụng; chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, công bố tiêu chuẩn áp dụng; kiểm tra sai số của phương tiện đo đều đạt yêu cầu kỹ thuật về đo lường theo quy định.

2. Hạn chế

Công ty và Chi nhánh vẫn duy trì hai hệ thống quản lý chất lượng riêng biệt sau sáp nhập, dẫn đến chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong quản trị và chưa hoàn thành việc chuẩn hóa TCVN ISO 9001:2015 cho toàn đơn vị.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ĐƯỢC ÁP DỤNG: Không.

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Về kinh tế: không.

2. Về hành chính: không.

3. Kiến nghị khác:

Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị khẩn trương xây dựng và áp dụng chung một hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho toàn Công ty.

4. Công khai kết luận thanh tra

- Thanh tra tỉnh đăng tải công khai Kết luận Thanh tra trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra 2025.

- Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị công khai Kết luận thanh tra bằng hình thức niêm yết trụ sở làm việc theo đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra 2025 kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra.

- Yêu cầu Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc các kiến nghị tại Kết luận này và báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra tỉnh trước ngày 20/10/2026.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu đối với Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị./. *my*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Sở Khoa học & Công nghệ;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị;
- VP, Phòng NV2, NV5 Thanh tra tỉnh;
- Trang TTĐT Thanh tra tỉnh;
- Lưu: HS Đoàn TT; VT *SV*

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Hoài Nam

**PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ KIỂM TRA SAI SỐ VỀ ĐO LƯỜNG
TẠI CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ**

TT	Tên cửa hàng	Kiểu, loại/Số PTĐ/Năm SX/Cấp chính xác	Giấy chứng nhận/Tem KĐ	Sai số trung bình EFD [%]	Đánh giá sai số theo Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015
CÁC CỬA HÀNG THUỘC QUẢN LÝ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY					
1	Petrolimex – Cửa hàng 01	SDA111110JMBBT00000 /AA329668/2023/0,5	26A01132/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT00000 /AA254785/2016/0,5	26A01139/KĐ	0,45	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT00000 /AA278387/2018/0,5	26A01138/KĐ	0,45	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT00000 /AA278397/2018/0,5	26A01135/KĐ	0,45	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT00000 /AA278391/2018/0,5	26A01136/KĐ	0,45	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT00000 /AA254759/2016/0,5	26A01130/KĐ	0,45	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT00000 /AA278383/2018/0,5	26A01131/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT00000 /AA320302/2013/0,5	26A01133/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT00000 /AA278036/2018/0,5	26A01134/KĐ	0,40	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT00000 /AA237517/2014/0,5	26A01129/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
2	Petrolimex – Cửa hàng 03	SDA111110JMBBT00000 /AA279195/2018/0,5	26A01114/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT00000 /AA276491/2018/0,5	26A01113/KĐ	0,50	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT00000 /AA279192/2018/0,5	26A01110/KĐ	0,40	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT00000 /AA278074-02/2018/0,5	26A01111/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT00000 /AA278074-01/2018/0,5	26A01112/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
3	Petrolimex – Cửa hàng 10	SDA111120JMBBT000000 / AA289294/2019/0,5	26A01422/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA289298/2019/0,5	26A01423/KĐ	0,15	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA289299/2019/0,5	26A01424/KĐ	0,00	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số

TT	Tên cửa hàng	Kiểu, loại/Số PTĐ/Năm SX/Cấp chính xác	Giấy chứng nhận/Tem KĐ	Sai số trung bình EFD [%]	Đánh giá sai số theo Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015
		SDA111110JMBBT000000 / AA289292/2019/0,5	26A01425/KĐ	-0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
4	Petrolimex - Cửa hàng 12	SDA111120JMBBT000000 / AA254787/2016/0,5	26A01350/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA254771/2016/0,5	26A01353/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA254764/2016/0,5	26A01351/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA254762/2016/0,5	26A01352/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
5	Petrolimex - Cửa hàng 17	SDA111120JMBBT000000 / AA237514/2014/0,5	26A01658/KĐ	0,15	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA237518/2014/0,5	26A01659/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA237522/2014/0,5	26A01660/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA237516/2014/0,5	26A01661/KĐ	0,40	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
6	Petrolimex – Cửa hàng 20	SDA111120JMBBT000000 / AA267568/2017/0,5	26A01678/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA267058/2017/0,5	26A01676/KĐ	0,15	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA267061/2017/0,5	26A01674/KĐ	-0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA267063/2017/0,5	26A01673/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA276514/2018/0,5	26A01677/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA278024/2018/0,5	26A01675/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
7	Petrolimex – Cửa hàng 24	LS100-U3P/202311000106-1/2023/0,5	26A03459/KĐ	0,15	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U3P/202311000106-2/2023/0,5	26A03460/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U3P/202311000111-1/2023/0,5	26A03457/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U3P /202311000111-2/2023/0,5	26A03458/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P/202311000109-01/2023/0,5	26A03451/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P/202311000109-02/2023/0,5	26A03452/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số

TT	Tên cửa hàng	Kiểu, loại/Số PTĐ/Năm SX/Cấp chính xác	Giấy chứng nhận/Tem KĐ	Sai số trung bình EFD [%]	Đánh giá sai số theo Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015
		LS100-U6P/202311000109-03/2023/0,5	26A03453/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P/202311000109-04/2023/0,5	26A03454/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P/202311000109-05/2023/0,5	26A03455/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P/202311000109-06/2023/0,5	26A03456/KĐ	0,00	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P/202311000110-01/2023/0,5	26A03445/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P /202311000110-02/2023/0,5	26A03446/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P /202311000110-03/2023/0,5	26A03447/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P/202311000110-04/2023/0,5	26A03448/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P/202311000110-05/2023/0,5	26A03449/KĐ	0,15	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		LS100-U6P/202311000110-06/2023/0,5	26A03450/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
8	Petrolimex - Cửa hàng 39	SDA111120JMBBT000000 / AA320966/2022/0,5	26A01208	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA320948/2022/0,5	26A01210	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA320968/2022/0,5	26A01209	0,00	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
9	Petrolimex - Cửa hàng 41	SDA111120JMBBT000000 / AA312233/2021/0,5	26A01327	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA312235/2021/0,5	26A01324	0,40	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA312220/2021/0,5	26A01326	0,40	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA312157/2021/0,5	26A01325	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
10	Petrolimex - Cửa hàng 45	SDA111120JMBBT000000 / AA337775/2024/0,5	26A01338	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA324118/2023/0,5	26A01336	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA324099/2023/0,5	26A01335	-0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA336184/2024/0,5	26A01337	-0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số



TỈNH

Handwritten signature

Handwritten signature

TT	Tên cửa hàng	Kiểu, loại/Số PTĐ/Năm SX/Cấp chính xác	Giấy chứng nhận/Tem KĐ	Sai số trung bình E _{FD} [%]	Đánh giá sai số theo Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015
11	Petrolimex - Cửa hàng 50	SDA111120JMBBT000000 / AA335560/2024/0,5	26A01359/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA335559/2024/0,5	26A01357/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111120JMBBT000000 / AA335561/2024/0,5	26A01358/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA334510/2024/0,5	26A01360/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		SDA111110JMBBT000000 / AA335536/2024/0,5	26A01421/KĐ	0,15	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
12	Petrolimex - Cửa hàng 54	RTC-XE/1975/2019/0,5	26A01562/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		RTC-XE/1976/2019/0,5	26A01563/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		RTC-XE/1977/2019/0,5	26A01560/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		RTC-XE/1978/2019/0,5	26A01561/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
CÁC CỬA HÀNG THUỘC QUẢN LÝ CỦA CN PETROLIMEX ĐÔNG HÀ					
1	Petrolimex – Cửa hàng 02	Sunny-XE Series/ AA319436(B)/2022/0,5	25A10714/KĐ	0,23	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/ AA319436(A)/2022/0,5	25A10715/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/ AA313156/2021/0,5	25A10716/KĐ	0,23	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/ AA313172/2021/0,5	25A10717/KĐ	0,33	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/ AA319423/2022/0,5	25A10718/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
2	Petrolimex – Cửa hàng 03	Sunny-XE Series/ AA279198/2018/0,5	25A10762/KĐ	0,15	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/ AA286881(A)/2019/0,5	25A10765/KĐ	0,00	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/ AA286881(B)/2019/0,5	25A10766/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/ AA286882(A)/2019/0,5	25A10770/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/ AA286882(B)/2019/0,5	25A10991/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số

TT	Tên cửa hàng	Kiểu, loại/Số PTĐ/Năm SX/Cấp chính xác	Giấy chứng nhận/Tem KĐ	Sai số trung bình EFD [%]	Đánh giá sai số theo Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015
		Sunny-XE Series/AA286887(A)/2019/0,5	25A10768/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA286887(B)/2019/0,5	25A10769/KĐ	0,15	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA286888(A)/2019/0,5	25A10763/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA286888(B)/2019/0,5	25A10764/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA278395/2018/0,5	25A10767/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA279203/2018/0,5	25A10993/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA279205/2018/0,5	25A10994/KĐ	0,45	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA279206/2018/0,5	25A10992/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
3	Petrolimex – Cửa hàng 04	Sunny-XE Series/AA328542/2023/0,5	25A10630/KĐ	0,17	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA328566/2023/0,5	25A10628/KĐ	0,32	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA328104/2023/0,5	25A10631/KĐ	0,32	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA309247/2021/0,5	25A10629/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
4	Petrolimex – Cửa hàng 18	Sunny-XE Series/AA265802(B)/2017/0,5	25A10663/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA267577(B)/2017/0,5	25A10661/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA267577(A)/2017/0,5	25A10662/KĐ	-0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA279196/2018/0,5	25A10665/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA265802(A)/2018/0,5	25A10664/KĐ	-0,07	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
5	Petrolimex – Cửa hàng 20	Sunny-XE Series/AA303775(A)/2020/0,5	25A10635/KĐ	0,00	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA303775(B)/2020/0,5	25A10636/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA240184/2015/0,5	25A10633/KĐ	-0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA240191/2015/0,5	25A10632/KĐ	-0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số

TT	Tên cửa hàng	Kiểu, loại/Số PTĐ/Năm SX/Cấp chính xác	Giấy chứng nhận/Tem KĐ	Sai số trung bình E _{FD} [%]	Đánh giá sai số theo Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015
		Sunny-XE Series/AA319420/2022/0,5	25A10634/KĐ	0,00	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
6	Petrolimex – Cửa hàng 21	Sunny-XE Series/AA250692/2015/0,5	25A10650/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA249897/2015/0,5	25A10652/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA249884/2015/0,5	25A10651/KĐ	0,00	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA249882/2015/0,5	25A10653/KĐ	-0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA249859/2015/0,5	25A10649/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
7	Petrolimex – Cửa hàng 22	Sunny-XE Series/AA250687/2015/0,5	25A10648/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA250785/2015/0,5	25A10643/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA259956/2016/0,5	25A10644/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA272959/2018/0,5	25A10646/KĐ	0,00	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA272960/2018/0,5	25A10645/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA272983/2018/0,5	25A10647/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
8	Petrolimex – Cửa hàng 38	Sunny-XE Series/AA274848/2018/0,5	25A04531/KĐ	0,20	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA274853/2018/0,5	25A04530/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA274854/2018/0,5	25A04532/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA274855/2018/0,5	25A04529/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA240187/2015/0,5	25A04527/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA240188/2015/0,5	25A04526/KĐ	0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA259960/2016/0,5	25A04528/KĐ	0,35	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA274850/2018/0,5	25A04525/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
9	Petrolimex – Cửa hàng 40	Sunny-XE Series/AA198429/2011/0,5	25A04534/KĐ	0,25	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số

TT	Tên cửa hàng	Kiểu, loại/Số PTĐ/Năm SX/Cấp chính xác	Giấy chứng nhận/Tem KĐ	Sai số trung bình EFD [%]	Đánh giá sai số theo Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015
		Sunny-XE Series/AA190345/2010/0,5	25A04536/KĐ	0,00	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA194423/2010/0,5	25A04533/KĐ	-0,10	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số
		Sunny-XE Series/AA198430/2011/0,5	25A04535/KĐ	0,30	Phù hợp yêu cầu về giới hạn sai số







**PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX QUẢNG TRỊ**

TT	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	Quyết định số 344/PLX-QĐ-TGD ngày 06/5/2026 của TĐXD Việt Nam ban hành TCCS	QCVN 01:2022/BKHCN và sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN
I. XĂNG E10 RON95 - V LẤY TẠI PETROLIMEX - CỬA HÀNG 22					
1.	Trị số Octan (RON)	-	TCVN 2703:2020 (ASTM D 21249)	97,5	≥ 95
2.	Hàm lượng chì	g/L	TCVN 7143:2020 (ASTM D 3237)	< 0,0025 (MQL)	$\leq 0,005$
3.	Hàm lượng Etanol	% thể tích min - max	TCVN 7332:2013 (ASTM D 4815)	8,89	8 - 10
II. DẦU DO 0,001S - V LẤY TẠI PETROLIMEX - CỬA HÀNG 22					
1.	Hàm lượng Lưu huỳnh	mg/kg	TCVN 7760:2020 (ASTM D 5453)	3,7	≤ 10
2.	Chỉ số Xêtan		TCVN 3180:2013 (ASTM D 4737)	53,1	≥ 46
III. DẦU DO 0,05S - II LẤY TẠI PETROLIMEX - CỬA HÀNG 21					
1.	Hàm lượng Lưu huỳnh	mg/kg	TCVN 7760:2020 (ASTM D 5453)	222	≤ 500
2.	Chỉ số Xêtan		TCVN 3180:2013 (ASTM D 4737)	49,6	≥ 46

TT	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	Quyết định số 344/PLX-QĐ-TGĐ ngày 06/5/2026 của TĐXD Việt Nam ban hành TCCS	QCVN 01:2022/BKHCN và sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN
IV. XĂNG E10 RON95 - III LẤY TẠI PETROLIMEX - CỬA HÀNG 17						
1.	Trị số Octan (RON)	-	TCVN 2703:2020 (ASTM D 21249)	96,4	≥ 95	≥ 95
2.	Hàm lượng chì	g/L	TCVN 7143:2020 (ASTM D3237)	< 0,0025 (MQL)	≤ 0,005	≤ 0,005
3.	Hàm lượng Etanol	% thể tích min - max	TCVN 7332:2013 (ASTM D 4815)	8,75	8 - 10	8 - 10
V. DẦU DO 0,001S - V LẤY TẠI PETROLIMEX - CỬA HÀNG 17						
1.	Hàm lượng Lưu huỳnh	mg/kg	TCVN 7760:2020 (ASTM D 5453)	2,6	≤10	≤ 10
2.	Chỉ số Xêtan		TCVN 3180:2013 (ASTM D 4737)	53	≥ 46	≥ 46
VI. DẦU DO 0,05S - II LẤY TẠI PETROLIMEX - CỬA HÀNG 17						
1.	Hàm lượng Lưu huỳnh	mg/kg	TCVN 7760:2020 (ASTM D 5453)	222	≤ 500	≤ 500
2.	Chỉ số Xêtan		TCVN 3180:2013 (ASTM D 4737)	51,5	≥ 46	≥ 46